TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Hải.

2/ Ông Ngô Lê Tuấn Kiệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

2/ *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1970. HKTT: ấp M1, xã M2, huyện P, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên hệ: Số 1, đường L, phường T2, quận B, thành phố Cần Thơ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 05/7/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T ngày 09/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M2, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 22 tháng 6 năm 2017.

Vợ chồng sống hạnh phúc được đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình và ông L thường xuyên ghen tuông vô cớ, không có sự tôn trọng và không có tiếng nói chung, làm ảnh hưởng đến công việc việc, cũng như dạy dỗ con cái. Mâu thuẫn ngày càng phức tạp nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T3 (nam), sinh ngày 05/6/2019; hiện tại cháu T3 đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T3 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn Thành L ngày 05/7/2023, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017, qua quen biết nên ông và bà Nguyễn Thị Phương T có tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M2. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T3, sinh ngày 05/6/2019. Ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng đến khi con 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Nguyễn Thị Phương T có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Thành L về việc yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con, bà T và ông L có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn và nuôi con". Ông L có hộ khẩu thường trú tại ấp M1, xã M2, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không mở phiên họp hòa giải là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án mở

phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Phương T thấy rằng, bà T và ông Nguyễn Thành L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 22/6/2017 tại UBND xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau có thời gian dài hạnh phúc và đã có con chung nhưng khi mâu thuẫn xảy ra ông bà không tìm cách tháo gỡ cho hài hòa mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thậm chí ly thân từ tháng 5 năm 2019 và từ đó đến nay ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, ông L cũng đã có ý kiến xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn nên ghi nhận.

[4] *Về con chung*: Ông bà chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T3 (nam), sinh ngày 05/6/2019. Ông L và bà T cùng có ý kiến thống nhất giao cháu T3 cho bà T nuôi dưỡng nên ghi nhận.

[5] *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: Mặc dù, ông Lập tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng nhưng bà T xác định không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Việc bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con đó là quyền tự định đoạt của bà nhưng vẫn đảm bảo quyền cho ông L được thăm nom và chăm sóc con chung theo quy tại Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về tài sản chung*: Bà T và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7] *Về nợ chung*: Cả hai đều xác định không có. Trường hợp sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[8] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc T3 (nam), sinh ngày 05/6/20219 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho ông L theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2/ Về Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001505 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Bà Thảo đã nộp xong án phí.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn, các đương sự được quyền kháng cáo.

4/ Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- UBND xã V, H. N, T. Thanh Hóa (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lo